

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH NĂM 2018

1. Thông tin chung về trường (Tính đến thời điểm xây dựng Đề án)

1.1. Tên trường, sứ mệnh, địa chỉ các trụ sở (cơ sở và phân hiệu) và địa chỉ trang web:

Viện Nghiên cứu và Đào tạo Việt – Anh (Viện VNUK) được thành lập vào ngày 22/11/2013 theo Quyết định số 5555/QĐ-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Viện VNUK là cơ sở giáo dục đại học công lập quốc tế đầu tiên được thành lập theo thỏa thuận hợp tác giữa chính phủ Anh và Việt Nam, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục đại học nước nhà.

Viện VNUK được thành lập với mục đích xây dựng một trường đại học công lập, đẳng cấp quốc tế, chuyên sâu và định hướng nghiên cứu.

Chương trình đào tạo được các giáo sư hàng đầu của Đại học Aston (Vương quốc Anh), đối tác chiến lược của VNUK tư vấn phát triển.

Điểm đặc biệt của Viện VNUK là chương trình đào tạo hoàn toàn bằng tiếng Anh bởi đội ngũ giảng viên tốt nghiệp tại các đại học danh tiếng ở nước ngoài và các chuyên gia giàu kinh nghiệm từ các doanh nghiệp có uy tín. Sinh viên theo học tại Viện có thể chuyển tiếp đến các trường đối tác – những đại học hàng đầu tại Vương quốc Anh.

Địa chỉ: **158A Lê Lợi, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng**

Địa chỉ website: www.vnuk.udn.vn

Địa chỉ website tuyển sinh: www.tuyensinhvnuk.edu.vn

1.2. Quy mô đào tạo

Khối ngành / Nhóm ngành	Quy mô hiện tại							
	NCS	Học viên CH	ĐH		CĐSP		TCSP	
			GD chính quy	GD TX	GD chính quy	GDTX	GD chính quy	GD TX
Nhóm ngành III			128	0	0	0	0	0
Nhóm ngành V			35	0	0	0	0	0
Tổng			153					

1.3. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất

1.3.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất:

Kết hợp thi tuyển và xét tuyển.

1.3.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất (lấy từ kết quả của Kỳ thi THPT quốc gia)

Khối ngành/ Ngành/ Nhóm ngành / tổ hợp xét tuyển	Năm tuyển sinh -2			Năm tuyển sinh -1		
	Chỉ tiêu	Số trúng tuyển	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số trúng tuyển	Điểm trúng tuyển

<p>Khối ngành III</p> <p>- Ngành Quản trị và Kinh Doanh Quốc tế (năm tuyển sinh -2) <i>Tổ hợp 1: Toán + Văn + Anh</i> <i>Tổ hợp 2: Toán + Lý + Anh</i></p> <p>- Ngành Quản trị và Kinh Doanh Quốc tế (năm tuyển sinh -1) <i>Tổ hợp 1: Anh + Toán + KHTN</i> <i>Tổ hợp 2: Toán + Văn + KHTN</i> <i>Tổ hợp 3: Anh + Toán + Văn</i> <i>Tổ hợp 4: Anh + Toán + KHXH</i></p>	120	60	15	80	69	15.5
<p>Khối ngành V</p> <p>- Ngành Khoa học và Kỹ thuật Máy tính (năm tuyển sinh -2) <i>Tổ hợp 1: Toán + Lý + Anh</i> <i>Tổ hợp 2: Toán + Văn + Anh</i></p> <p>- Ngành Khoa học và Kỹ thuật Máy tính (năm tuyển sinh -1) <i>Tổ hợp 1: Toán + KHTN + Anh</i> <i>Tổ hợp 2: Toán + KHTN + Văn</i> <i>Tổ hợp 3: Toán + Lý + Hoá</i> <i>Tổ hợp 4: Toán + Lý + Anh</i></p> <p>- Ngành Kỹ thuật Y sinh (năm tuyển sinh -2) <i>Tổ hợp 1: Toán + Hoá + Anh</i> <i>Tổ hợp 2: Toán + Sinh + Anh</i> <i>Tổ hợp 3: Toán + Hoá + Sinh</i></p> <p>- Ngành Kỹ thuật Y sinh (năm tuyển sinh -1) <i>Tổ hợp 1: Toán + KHTN + Anh</i> <i>Tổ hợp 2: Toán + KHTN + Văn</i> <i>Tổ hợp 3: Toán + Lý + Hoá</i> <i>Tổ hợp 4: Toán + Hoá + Sinh</i></p> <p>- Ngành Kỹ thuật Y sinh (năm tuyển sinh -2) <i>Tổ hợp 1: Toán + Hoá + Anh</i> <i>Tổ hợp 2: Toán + Sinh + Anh</i> <i>Tổ hợp 3: Toán + Hoá + Sinh</i></p>	130	14	15	80	15	16
Tổng	250	74		160	84	

2. Các thông tin của năm tuyển sinh

2.1. Đối tượng tuyển sinh;

Tất cả các thí sinh tốt nghiệp THPT trên toàn quốc;

Học sinh quốc tịch nước ngoài đã tốt nghiệp chương trình THPT

2.2. Phạm vi tuyển sinh;

Tuyển sinh trên địa bàn toàn quốc và quốc tế

2.3. Phương thức tuyển sinh:

Kết hợp thi tuyển và xét tuyển

2.4. Chỉ tiêu tuyển sinh:

TT	NGÀNH	Mã ngành	Khối ngành	Dự kiến chỉ tiêu TS chung	Dự kiến chỉ tiêu TS riêng
I	Các ngành đào tạo đại học:			100	80
1	Quản trị và kinh doanh quốc tế	DIBM	III	60	40
2	Khoa học và Kỹ thuật máy tính	DCSE	V	20	20
3	Khoa học Y sinh	DBMS	V	20	20

2.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận ĐKXT;

Tuyển sinh chung

- Công bố khi có kết quả

Tuyển sinh riêng

1. ĐXT trung bình $\geq 6,0$

2. Bài tự luận các nhân xếp loại ĐẠT

3. Tham gia phỏng vấn của hội đồng tuyển sinh Viện Nghiên cứu và Đào tạo Việt - Anh và xếp loại ĐẠT

2.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường: mã số trường, mã số ngành, tổ hợp xét tuyển và quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển:

2.6.1 Tuyển sinh sử dụng kết quả thi THPT Quốc gia

TT	Tên NHÓM NGÀNH/Ngành	Mã ĐKXT	Chỉ tiêu	Tổ hợp Xét tuyển	Điểm xét tuyển (ĐXT)	Tiêu chí phụ đối với các thí sinh bằng điểm	Điểm chuẩn giữa các tổ hợp	Ngưỡng ĐBC L đầu vào
	VIỆN NGHIÊN CỨU & ĐÀO TẠO VIỆT ANH	DDV						
1	Quản trị và kinh doanh Quốc tế	7340124	60	1. A00 2. A01 3. D01 4. D10	1. Toán + Vật lí + Hoá học 2. Toán + Tiếng Anh + Vật lí 3. Toán + Tiếng Anh + Ngữ Văn 4. Toán + Tiếng Anh + Địa lí	Không	Bằng nhau	Công bố sau khi có kết quả thi

2	Khoa học và Kỹ thuật máy tính	7480204	20	1. A00 2. A01 3. D01 4. D90	1. Toán + Vật lí + Hoá học 2. Toán + Tiếng Anh + Vật lí 3. Toán + Tiếng Anh + Ngữ Văn 4. Toán + Tiếng Anh + Khoa học tự nhiên	Không	Bằng nhau	THP TQG
3	Khoa học Y sinh	7420204	20	1. A00 2. D07 3. B00 4. D08	1. Toán + Hoá học + Vật lí 2. Toán + Tiếng Anh + Hoá học 3. Toán + Hoá học + Sinh học 4. Toán + Tiếng Anh + Sinh học	Không	Bằng nhau	

2.6.2 Tuyển sinh sử dụng kết quả học bạ THPT

TT	Tên NHÓM NGÀNH/Ngành	Mã ĐKXT	Chỉ tiêu	Điểm xét tuyển (ĐXT)	Ngưỡng ĐBCL đầu vào	GHI CHÚ
	VIỆN NGHIÊN CỨU & ĐÀO TẠO VIỆT ANH	DDV				
1	Quản trị và kinh doanh Quốc tế	7340124	40	1. Toán + Anh + Văn 2. Toán + Lý + Hóa 3. Toán + Văn + Lý 4. Toán + Anh + Lý	1. ĐXT trung bình $\geq 6,0$ 2. Bài tự luận các nhân xếp loại ĐẠT 3. Tham gia phỏng vấn của hội đồng tuyển sinh Viện Nghiên cứu và Đào tạo Việt - Anh và xếp loại ĐẠT	
2	Khoa học và Kỹ thuật máy tính	7480204	20	1. Toán + Văn + Anh 2. Toán + Lý + Hóa 3. Toán + Văn + Lý 4. Toán + Lý + Anh		
3	Khoa học Y sinh	7420204	20	1. Toán + Lý + Hóa 2. Toán + Hóa + Sinh 3. Toán + Hóa + Anh 4. Toán + Sinh + Anh		

2.7. Tổ chức tuyển sinh:

2.7.1 Thời gian nộp hồ sơ:

Thời gian nộp Hồ sơ đăng ký xét tuyển vào các ngành theo quy định của Bộ GD&ĐT.

2.7.2 Địa điểm nhận hồ sơ:

a) Địa điểm số 1:

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Ban Đào tạo

41 Lê Duẩn, Quận Hải Châu

Thành phố Đà Nẵng

Đối tượng: các thí sinh trên toàn quốc.

b) Địa điểm số 2:

Viện Nghiên cứu và Đào tạo Việt – Anh
 Phòng Đào tạo
 Tầng 3, tòa nhà VNUK, 158A Lê Lợi, Quận Hải Châu
 Thành phố Đà Nẵng
 Đối tượng: các thí sinh trên toàn quốc.

2.8. Chính sách ưu tiên:

Các đối tượng ưu tiên chính sách hay khu vực được cộng điểm ưu tiên theo qui định hiện hành. Điểm ưu tiên chỉ được cộng để xét tuyển sau khi thí sinh đạt ngưỡng chất lượng đầu vào.

2.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển;

Lệ phí nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển và thi tuyển các môn năng khiếu được thực hiện theo quy định hiện hành.

2.10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; và, lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có);

Học phí năm học 2017 – 2018:

Ngành	Học phí / năm học
Ngành Quản trị và Kinh doanh Quốc tế	36.000.000 đ
Ngành Khoa học và Kỹ Thuật Máy tính	37.000.000 đ
Ngành Khoa học Y sinh	37.000.000 đ

Lộ trình tăng học phí tối đa: tăng 6% trong năm học đến 2017-2018

3. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt bổ sung trong năm

3.1 Tuyển sinh bổ sung đợt 1:

3.2 Tuyển sinh bổ sung đợt 2:

4. Thông tin về các Điều kiện đảm bảo chất lượng

4.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu:

4.1.1. Thống kê diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá:

Hạng mục	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
1. Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	3496
2. Thư viện, trung tâm học liệu	70
3. Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	90
Tổng diện tích	3656
Diện tích / 1 sinh viên chính quy	23,90 m²/sv

4.1.2. Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị

TT	Tên	Các trang thiết bị chính
1	Phòng thực hành máy tính	50 máy tính
2	Phòng thí nghiệm khoa học y sinh	Máy ly tâm, tủ lạnh, máy cô quay chân không, máy điện di. Tủ an toàn sinh học cấp 2
3	Phòng thư viện	5 máy tính Hơn 300 đầu sách tiếng Anh phục vụ công tác giảng dạy và tra cứu. Hơn 800 CD/DVD phục vụ cho học tiếng Anh

4.1.3 Thống kê phòng học

TT	Loại phòng	Số lượng
1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	01
2	Phòng học từ 100 – 200 chỗ	0
3	Phòng học từ 50-100 chỗ	04
4	Số phòng học dưới 50 chỗ	24
5	Số phòng học đa phương tiện	28

4.1.4 Thống kê về học liệu (kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện

TT	Nhóm ngành đào tạo	Số lượng
	Nhóm ngành III	>100
	Nhóm ngành V	>70

4.2. Danh sách giảng viên cơ hữu

Khối ngành/ ngành	GS.TS/	PGS.TS/	TS/	ThS	ĐH	CD
	GS.TSKH	PGS.TSKH	TSKH			
Khối ngành III						
Ngành Quản trị và Kinh doanh Quốc tế						
Nguyễn Thị Mỹ Hương			X			
Đặng Đức Long			X			
Bùi Minh Trang				X		
Nguyễn Văn Nhân				X		
Phan Hoàng Điệp				X		
Trần Nguyễn Hồng Vân				X		
Lê Thị Minh Trang				X		
Mai Nguyễn Thanh				X		
Tổng của khối ngành			2	6		
Khối ngành V						
Ngành Khoa học và Kỹ thuật máy tính						
Trần Thế Vũ			X			
Phạm Thanh Phong				X		
Ngành Khoa học Y sinh						
Trần Mạnh Hùng			X			
Lê Mạnh Linh				X		
Nguyễn Thị Thuỳ Dương				X		
Tổng của khối ngành			2	3		
Tổng số giảng viên toàn trường			4	9		

4.3. Danh sách giảng viên thỉnh giảng

Khối ngành/ ngành	GS.TS/ GS.TSKH	PGS.TS/ PGS.TSKH	TS/ TSKH	ThS	ĐH	CD
-------------------	----------------	------------------	----------	-----	----	----

Khối ngành/ ngành	GS.TS/ GS.TSKH	PGS.TS/ PGS.TSKH	TS/ TSKH	ThS	ĐH	CD
Khối ngành III						
.....						
Tổng của khối ngành						
Khối ngành V						
.....						
Tổng của khối ngành						
Tổng số giảng viên toàn trường						

5. Tình hình việc làm (thống kê cho 2 năm gần nhất)

Nhóm ngành	Chỉ tiêu Tuyển sinh		Số SV trúng tuyển nhập học		Số SV tốt nghiệp		Trong đó số SV tốt nghiệp đã có việc làm sau 12 tháng	
	ĐH	CDSP	ĐH	CDSP	ĐH	CDSP	ĐH	CDSP
Nhóm ngành I								
Nhóm ngành II								
Nhóm ngành III					0			
Nhóm ngành IV								
Nhóm ngành V					0			
Nhóm ngành VI								
Nhóm ngành VII								
Tổng					0			

6. Tài chính:

- Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của trường: 5.765.481.994 đ (không kể nguồn thu từ ngân sách)
- Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm của năm liền trước năm tuyển sinh: ước tính 25 triệu /năm.

Ngày 22 tháng 03 năm 2018
PHÓ VIỆN TRƯỞNG PHỤ TRÁCH
(Ký tên và đóng dấu)

TS. NGUYỄN THỊ MỸ HƯƠNG